TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số:51/2024/HSST
Ngày: 29/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮKNÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Lê Khai và ông Lương Quang Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/TLST –HS, ngày 02 tháng 10 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43a/2024/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 136/HSST – QĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Y H, sinh ngày 10/3/2002; tại: tỉnh Đắk Nông; Nơi đăng ký thường trú: Bon Đ, xã N'Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: M’Nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Y P, sinh năm 1961 và bà: H’S, sinh năm 1971; Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 6 anh, chị, em; Tiền án, tiền sự: Không. Có mặt.

2. Họ và tên: Y V, sinh ngày 18/5/2001; tại: tỉnh Đắk Nông; Nơi đăng ký thường trú: Bon Đ, xã N'Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: M’Nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Y Khal (đã chết) và bà: H1, sinh năm 1971; Bị cáo là con thứ 5 trong gia đình có 7 anh, chị, em; Tiền án, tiền sự: Không. Có mặt.

3. Họ và tên: Y C, sinh ngày 30/01/2004; tại: tỉnh Đắk Nông; Nơi đăng ký thường trú: Bon Đ, xã N'Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: M’Nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông: Y M, sinh năm 1971 và bà: H’Minh, sinh năm 1978; Bị cáo là con thứ 5 trong gia đình có 5 anh, chị, em; Tiền án, tiền sự: Không. Có mặt.

4. Họ và tên: Y T, sinh ngày 19/02/2003; tại: tỉnh Đắk Nông; Nơi đăng ký thường trú: Bon Đ, xã N'Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: M’Nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Y B, sinh năm 1974 và bà: H2, sinh năm 1974; Bị cáo là con thứ 4 trong gia đình có 8 anh, chị, em; Tiền án, tiền sự: Không. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Y H: Luật sư ông Nguyễn Văn L, luật sư bà Lê Thị Thu P1 - Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ số I, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- ***Người bị hại:*** Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Y Đ – Phó Giám đốc, (Theo Giấy ủy quyền số 151/GUQ-CT, ngày 28/11/2024). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Y B, sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: Bon Đ, xã N'Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2. Ông Y P, sinh năm 1961. Có mặt.

Địa chỉ: Bon Đ, xã N'Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông .

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Y P: Luật sư ông Nguyễn Văn L, Luật sư bà Lê Thị Thu P1 - Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ số I, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Ông Y Bao N, sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: B, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4. Ông Y P2, sinh năm 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Bon Đ, xã N'Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- ***Người làm chứng:*** Ông Đặng Văn V1, sinh năm 1991, xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã N'Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 30/7/2022, trong khi ngồi uống cà phê tại trung tâm xã N'Đir, huyện K, Y rủ Y C, Y V đến khu vực lô cao su số 52, Đội sản xuất số 4 của Công ty cưa cây cao su về bán củi lấy tiền tiêu xài, tất cả đồng ý. Trước khi, đi Y H nói với Y V, Y C

mỗi người góp 100.000 đồng mua xăng, dầu, Y V và Y C mỗi người đưa cho Y H 100.000 đồng. Do chưa có xe để chở gỗ, biết nhà Y T có xe càng, nên Y H mượn xe mô tô của Y V điều khiển đến nhà Y T rủ Y T cùng đi cắt cây cao su bán lấy tiền tiêu xài, đồng thời nói Y V và Y C cùng đi nữa nên Y T đồng ý. Y H nói với Y T góp 100.000 đồng để mua xăng, dầu, Y T đồng ý nhưng nói hiện không có tiền. Thấy vậy, Y H lấy 100.000 đồng đưa cho Y T nói đi mua dầu đổ xe càng rồi đón Y C đi sau. Còn Y H điều khiển xe máy lên cây xăng mua xăng và về nhà lấy chiếc cưa lốc (cưa xăng) của mình đến chở Y V vào khu vực lô cao su của Công ty N1 cưa hạ cây cao su trước. Sau khi mua dầu, Y T điều khiển xe càng của gia đình Y T chở Y C đi vào khu vực lô cao su của Công ty L1 như đã hẹn.

Khi đến lô cao su số 52 Đội sản xuất số 4 của Công ty L1 thuộc thôn N, xã N'Đ, huyện K, Y V và Y H thay nhau dùng cưa lốc cắt hạ cây cao su thành từng lóng, còn Y T và Y C bốc lóng gỗ lên xe càng. Khi cả nhóm cắt được 09 cây cao su trồng năm 2002, bị anh Đặng Văn V1 là nhân viên đội sản xuất số 4 của Công ty L1 phát hiện nên Y H, Y C, Y V và Y T dừng lại không cắt nữa mà bỏ về để lại một số lóng gỗ được cắt nhưng chưa bốc lên xe càng.

Sau khi phát hiện nhóm bị cáo cưa hạ cây cao su, anh Đặng Văn V1 đã báo cáo lãnh đạo Công ty L1 cùng Công an xã N'Đir phối hợp truy tìm xe càng của các bị cáo cất giấu trong vườn cà phê của hộ dân và thu hồi số gỗ mà các bị cáo đã cưa hạ, chở đi. Kết quả kiểm đếm và đo đạc xác định số gỗ cây cao su mà các bị cáo cắt là 123 lóng, khối lượng là 2,433m^3.

Hiện trường nơi xảy ra vụ án là lô cây cao su số 52 Đội sản xuất số 4 của Công ty thuộc thôn N, xã N'Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Sử dụng máy định vị vệ tinh GPS Map-GPS 76CFX Garmin để xác định tọa độ của số cây cao su bị cắt hạ. Số cây cao su bị cắt hạ có các tọa độ lần lượt là: cây số 01 (0430487-1365144); cây số 02 (0430486-1365165); cây số 03 (0430499-1365161); cây số 04 (0430497-1365166); cấy số 05 (0430552-1365177); cây số 06 (0430551-1365175); cấy số 07 (0430568-1365186); cây số 08 (0430569-1365172); cây số 09 (0430590-1365204). Trong đó: 04 cây trong phần diện tích đất được Công ty L1 giao khoán cho ông Y P chăm sóc và khai thác; 05 cây trong phần diện tích đất được Công ty giao khoán cho ông Y B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện K kết luận giá trị của 2,433m^3 gỗ cao su vào ngày 30/7/2022 là 3.074.830 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 17/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện K kết luận: 09 cây Cao su được trồng năm

2002 bị cắt hạ vào ngày 30/7/2022 (04 cây lô 23-A2 có giá 1.137.600 đồng; 05 cây lô 23-A3 có giá 1.777.500 đồng). Tổng giá trị là 2.915.100 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 38/CT-VKS-KrN ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Krông Nô để xét xử các bị cáo Y H, Y V, Y C và Y T về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Y H, Y V, Y C và Y T về tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

*/ Về hình phạt:

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Y H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt các bị cáo Y V 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Y C 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Y T 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

*/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo Y H, Y V, Y C, Y T phải liên đới bồi thường cho Công ty L1 số tiền 2.915.100 đồng (Hai triệu chín trăm mười lăm nghìn một trăm đồng)

***/** Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K trả lại 123 lóng gỗ cao su, khối lượng 2.433m^3 cho Công ty L1 là chủ sở hữu hợp pháp; Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K trả lại 01 xe càng cho ông Y B là chủ sở hữu hợp pháp; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 cưa lốc (cưa xăng) đã qua sử dụng hiệu Benly (BL5200) màu vàng, không có lưỡi cưa, lam bị cáo Y H đã sử dụng trong quá trình phạm tội.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại, đồng ý với số tiền các bị cáo bồi thường đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô và không yêu cầu bồi thêm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Y P2, ông Y B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Ông Y B, ông Y P không yêu cầu bồi thường liên quan đến cây cao su. Ông Y P không nhận lại máy cưa lốc đề nghị xử lý theo quy định

pháp luật.

- Luật sư bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của ông Y P: Đồng ý với quan điểm của ông Y Phiong .

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Y H trình bày: Y Hiêm cùng Y V, Y C, Y T không có ý thức trộm cắp cây cao su, chỉ cưa những cây đã chết để tận dụng lấy củi, tất cả các cây đã bị chặt hạ không còn khả năng khai thác mủ. Công ty L1 đã giao khoán cho hộ gia đình Y H đã trồng cây, chăm sóc, quản lý từ năm 2002, tất cả thành viên trong gia đình đều có trách nhiệm quản lý và thu hoạch phục vụ nhu cầu đảm bảo cuộc sống nên Y H cũng có trách nhiệm trong việc quản lý, chăm sóc các cây trồng trong vườn nhà của mình.

Trong 09 *(chín)* cây cao su bị cáo Y H và đồng phạm bị quy buộc là trộm cắp của Công ty L1 thì có 04 *(bốn)* cây trồng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Y Phiông .1 Do hộ ông Y P trực tiếp quản lý, chăm sóc, bảo vệ theo các hợp đồng giao khoán được ký kết giữa hộ gia đình ông Y P3 với Công ty . Tại điểm a khoản 1 Điều 3 hợp đồng giao khoán " Nghĩa vụ và quyền của bên nhận khoán (Bên B)", thì " Nếu chủ quan để xảy ra tình trạng vườn cây bị khai thác quá mức, bị cháy, bị chặt phá, lấn chiếm… thì tùy theo mức độ vi phạm và thiệt hại, bên nhận khoán phải chịu bồi thường gấp 5 lần giá trị thiệt hại". Vậy người thiệt hại là gia đình ông Y P3 chứ không phải Công ty nên kết luận tội trộm cắp tài sản thuộc quyền quản lý của hộ gia đình mình là có phần thiệt thòi cho bị cáo.

Bị cáo Y H chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền: 2.915.100 đồng, phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức, bị cáo học hết 7/12, phối hợp lên làm việc tại Cơ quan điều tra cũng, đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm giải quyết vụ án, đã chấm dứt hành vi của mình kể từ thời điểm bị phát hiện.

Nên căn cứ điểm a, điểm b, điểm h, điểm i, điểm l, điểm m, điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo.

- Bị cáo Y H, Y V, Y C, Y T nói lời sau cùng, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo một cơ hội để sửa chữa những lỗi lầm sớm trở thành người công dân tốt, sống có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Y H, Y V, Y C, Y T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc đã nêu trong bản cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[2] Nhận định: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/7/2022, Y H cùng Y V, Y C, Y T điều khiển xe càng vào lô cao su của Công ty L1 tại Tiểu khu A thuộc thôn N, xã N'đir, huyện K, tỉnh Đắk Nông dùng cưa lốc cưa hạ 09 cây cao su trồng năm 2002. Trong lúc các bị cáo đang cắt thành từng lóng bốc xếp lên xe càng để mang đi bán, thì bị lực lượng bảo vệ của Công ty L1 phát hiện tri hô, nên đã bỏ chạy. Qua kiểm đếm xác định, nhóm bị cáo đã cắt 09 cây cao su thành 123 lóng có tổng khối lượng 2,433m^3, giá trị tài sản qua định giá tại thời điểm ngày 30/7/2022 là 3.074.830 đồng. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Như vậy, đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại c khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

…

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

…

[3] Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước. Các bị cáo là những công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết được việc xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, an ninh xã hội, hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, để có tiền tiêu xài, phục vụ cho lợi ích cá nhân của bản thân, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản thực hiện hành vi chiếm đoạt và xâm phạm đến an ninh, trật tự xã hội. Do đó buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà mình đã gây ra.

Trong vụ án này các bị cáo tham gia vào việc phạm tội là đồng phạm giản đơn, không mang tính tổ chức, tuy nhiên để xét xử một cách công bằng, đúng pháp luật cần đánh giá tính chất, vai trò tham gia và nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt cho tương xứng nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo Y H là người khởi xướng, rủ rê và cũng là người chuẩn bị công cụ để thực hiện hành vi phạm tội do vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt. Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn; các bị cáo đã tự nguyên bồi thường thiệt hại, khắc phụ hậu quả. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là phù hợp để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy, cần áp dụng hình phạt phù hợp với từng bị cáo, để cải tạo làm công dân tốt cho gia đình và xã hội. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn

trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; chưa bao giờ bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Các bị cáo là người có nhân thân tốt, các bị cáo có địa chỉ cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, không cần phải bắt buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho các bị cáo hưởng chế định cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để các bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Nên cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không khấu trừ thu nhập, không phạt tiền, theo quy định tại khoản 3 Điều 36 và khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Y V, Y C, Y T, Y H.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm, vai trò của các bị cáo là như nhau do đó các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau. Các bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô số tiền 2.915.100 đồng, Biên lai thu tiền số 0001647, ngày 03/7/2023 để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Công ty L1 chấp nhận số tiền bồi thường là 2.915.100 đồng và không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K trả 123 lóng gỗ cao su, khối lượng 2.433m^3 cho Công ty là chủ sở hữu hợp pháp.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K trả lại 01 xe càng cho ông Y B là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 cưa lốc (cưa xăng) đã qua sử dụng hiệu Benly (BL5200) màu vàng, không có lưỡi cưa, lam của bị cáo Y H đã sử dụng trong quá trình phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[9] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Y H3 về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo và đề nghị hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo có cơ sở nên cần chấp nhận.

Luật sư đề xuất áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm a l, m, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Y H là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Trong vụ án này còn có những vấn đề sau:

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36L7-8952, bị cáo Y H sử dụng đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định của ông Y Pliêng .2 Ngày 30/7/2022 ông Y P2 cho Y Vũ M1 để đi uống cà phê sau đó Y V, Y H sử dụng đi trộm cắp tài sản ông Y P2 không biết, nên không đề cập giải quyết. Bị cáo Y T sử dụng xe càng của ông Y B đi trộm cắp tài sản, ông Y B không biết nên không đề cập giải quyết.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Y H, Y V, Y C, Y T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1. Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Y H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.
- Xử phạt: Bị cáo Y V 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.
-Xử phạt: Bị cáo Y C 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.
- Xử phạt: Bị cáo Y T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Y H, Y C, Y T, Y V cho UBND xã N'Đir, huyện K, tỉnh Đắk Nông nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của chính quyền địa phương và phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự. Chấp nhận việc các bị cáo Y H, Y V, Y C, Y T đã nộp số tiền 2.915.100 đồng (Hai triệu chín trăm mười lăm nghìn một trăm đồng) tại Chi Cục thi hành án huyện Krông Nô để bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một

thành viên L1.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 cưa lốc (cưa xăng) đã qua sử dụng hiệu Benly (BL5200) màu vàng, không có lưỡi cưa, lam của bị cáo Y H đã sử dụng trong quá trình phạm tội (*Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K với Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô vào ngày 07/03/2023*).

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả 123 lóng gỗ cao su, khối lượng 2.433m^3 cho Công ty là chủ sở hữu hợp pháp (*Theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K với Công ty vào ngày 01/12/2022*).

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả 01 xe càng cho ông Y B là chủ sở hữu hợp pháp (*Theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K với ông Y B vào ngày 02/12/2022*).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Y H, Y V, Y C, Y T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
-Phòng NVHS CA tỉnh Đắk Nông;
-VKS ND huyện Krông Nô;
-Đội điều tra Công an huyện Krông Nô;
-Cơ quan THAHS Công an huyện Krông Nô;
-Chi cục THADS huyện Krông Nô;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.

Lại Hồng Duy